	<b>TỔNG CÔNG TY SONADEZI</b>		<b>MẪU SỐ 2</b>
	<b>CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI</b>		
	<b>CÔNG BỐ THÔNG TIN</b>		<b>KQKTCL</b>
	<b>KẾT QUẢ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG</b>		<b>NĂM 2026</b>
	<b>NƯỚC SẠCH THÀNH PHẨM</b>		<b>VILAS 1082</b>

**Các nhà máy sử dụng nguyên liệu đầu vào: NƯỚC SÔNG ĐỒNG NAI**

Tháng	Mức độ giám sát	CNCN Biên Hòa (ĐĐ: P. Trấn Biên, CS: 36.000m <sup>3</sup> /ngày)		CNCN Long Bình (ĐĐ: P. Long Bình, CS: 30.000m <sup>3</sup> /ngày)		CNCN Thiện Tân (Trạm Thiện Tân ĐĐ: P. Long Bình, CS: 200.000m <sup>3</sup> /ngày)		Liệt kê giá trị các chỉ tiêu chất lượng không đạt
		Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	
04 Tuần 1	A	4	100	3	100	18	100	

Tháng	Mức độ giám sát	CNCN Thiện Tân (Trạm Nhơn Trạch ĐĐ: P. Long Bình, CS: 100.000m <sup>3</sup> /ngày)		CNCN Thạnh Phú (ĐĐ: P. Trảng Dài, CS: 15.000m <sup>3</sup> /ngày)		CNCN Long Thành (ĐĐ: xã Long Thành)		Liệt kê giá trị các chỉ tiêu chất lượng không đạt
		Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	
04 Tuần 1	A	4	100	4	100	4	100	

**Các nhà máy sử dụng nguyên liệu đầu vào: NƯỚC HỒ**

Tháng	Mức độ giám sát	CNCN Long Bình (ĐĐ: Hồ trị An, CS: 4.000m <sup>3</sup> /ngày)		CNCN Xuân Lộc (ĐĐ: Hồ Núi Le, CS: 7.000m <sup>3</sup> /ngày)		CNCN Xuân Lộc (ĐĐ: Hồ Gia Ui, CS: 10.000m <sup>3</sup> /ngày)		CNCN Xuân Lộc (ĐĐ: Suối Soong, CS: 4.200m <sup>3</sup> /ngày)		Liệt kê giá trị các chỉ tiêu chất lượng không đạt
		Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	
04 Tuần 1	A	3	100	4	100	3	100	3	100	

**Các nhà máy sử dụng nguyên liệu đầu vào: NƯỚC DƯỚI ĐẤT**

Tháng	Mức độ giám sát	CNCN Long Bình (ĐĐ: xã Bàu Hàm)		CNCN Xuân Lộc (ĐĐ: xã Tân Phú, CS: 2.500m <sup>3</sup> /ngày)		CNCN Xuân Lộc (ĐĐ: xã Sông Ray, CS: 130m <sup>3</sup> /ngày)		Liệt kê giá trị các chỉ tiêu chất lượng không đạt
		Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	
04 Tuần 1	A	1	100	3	100	2	100	

Ghi chú: Dấu (/): Không thực hiện.

Trấn Biên, ngày 15 tháng 04 năm 2026

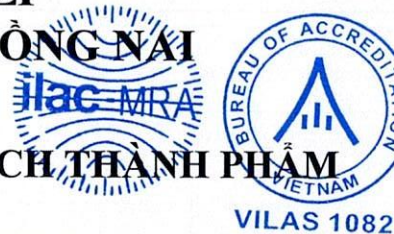
**TUO. GIÁM ĐỐC**  
**PP. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**



**Đặng Thị Tâm**



**TỔNG CÔNG TY SONADEZI**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**  
**CÔNG BỐ THÔNG TIN**  
**KẾT QUẢ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH THÀNH PHẨM**



MẪU SỐ 1

KQKTCL

Năm: 2026

**KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG NƯỚC TUẦN 1 THÁNG 04 NĂM 2026**

QCVN 01-1: 2024/BYT

STT	Đơn vị	Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày xét nghiệm	Phương pháp lấy mẫu	pH (6.0 - 8.5)	Độ đục (2 NTU)	Mùi	Pecmanganat (2 mg/l)	Amoni (1 mg/l)	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Màu sắc (15 TCU)	Asen (0.01 mg/l)	Coliforms tổng số (<1 MPN / 100ml)	Escherichia Coli (<1 MPN / 100ml)	Nhận xét	
1	Chi nhánh cấp nước Thiện Tân.	Trạm Thiện Tân	Nước sinh hoạt.	Bể chứa trạm Thiện Tân – Số 329, tổ 2, KP21, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai.	27/03/2026 - 06/04/2026	TCVN 6663-5:2009	7.09	0.45	Không có mùi lạ	0.71	< LOQ (LOQ= 0.039)	0.66	0.29	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
2			Nước sinh hoạt.	Đầu vào KCN Hồ Nai, đường số 1, phường Hồ Nai, tỉnh Đồng Nai.	27/03/2026 - 06/04/2026	TCVN 6663-5:2009	7.11	0.24	Không có mùi lạ	0.51	< LOQ (LOQ= 0.039)	0.69	0.37	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
3			Nước sinh hoạt.	Công an phường Tam Hiệp – Số 42 Lê Thoa, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai.	27/03/2026 - 13/04/2026	TCVN 6663-5:2009	7.10	0.21	Không có mùi lạ	0.58	< LOQ (LOQ= 0.039)	0.82	0.81	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt
4			Nước sinh hoạt.	Phòng khám đa khoa nhi Sài Gòn – Số 185 đường Phan Trung, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai.	27/03/2026 - 13/04/2026	TCVN 6663-5:2009	7.10	0.26	Không có mùi lạ	0.51	< LOQ (LOQ= 0.039)	0.68	0.67	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt
5			Nước sinh hoạt.	Công an phường Trảng Dài – Số 246 đường Bùi Trọng Nghĩa, phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai.	27/03/2026 - 13/04/2026	TCVN 6663-5:2009	7.09	0.26	Không có mùi lạ	0.58	< LOQ (LOQ= 0.039)	0.61	0.52	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt

STT	Đơn vị	Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày xét nghiệm	Phương pháp lấy mẫu	pH (6.0 - 8.5)	Độ đục (2 NTU)	Mùi	Pecmanganat (2 mg/l)	Amoni (1 mg/l)	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Màu sắc (15 TCU)	Asen (0.01 mg/l)	Coliforms tổng số (<1 MPN / 100ml)	Escherichia Coli (<1 MPN / 100ml)	Nhận xét	
6	Chi nhánh cấp nước Thiện Tân.	Trạm Thiện Tân	Nước sinh hoạt.	Trạm y tế phường Long Bình – Đường Nguyễn Ái Quốc, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai.	27/03/2026 - 13/04/2026	TCVN 6663-5:2009	7.30	0.23	Không có mùi lạ	0.58	< LOQ (LOQ= 0.039)	0.52	0.81	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt
7			Nước sinh hoạt.	Bệnh viện 7B – Đường Nguyễn Ái Quốc, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai.	27/03/2026 - 13/04/2026	TCVN 6663-5:2009	7.21	0.37	Không có mùi lạ	0.64	< LOQ (LOQ= 0.039)	0.71	0.87	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt
8			Nước sinh hoạt.	Bệnh viện tâm thần TW2 - Đường Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Triều, tỉnh Đồng Nai.	27/03/2026 - 13/04/2026	TCVN 6663-5:2009	7.15	0.27	Không có mùi lạ	0.64	< LOQ (LOQ= 0.039)	0.71	0.74	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt
9			Nước sinh hoạt.	Trạm tăng áp – KCN Biên Hoà 2, đường 19A, phường Trảng Biên.	27/03/2026 - 06/04/2026	TCVN 6663-5:2009	7.16	0.26	Không có mùi lạ	0.51	< LOQ (LOQ= 0.039)	0.39	0.74	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
10			Nước sinh hoạt.	Nhà dân - Số 60 đường Phạm Văn Thuận, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai.	27/03/2026 - 13/04/2026	TCVN 6663-5:2009	7.13	0.20	Không có mùi lạ	0.51	0.051	0.44	0.22	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt
11			Nước sinh hoạt.	Nhà dân – Số 13D3, KP. Bình Dương, phường Long Hưng, tỉnh Đồng Nai.	27/03/2026 - 13/04/2026	TCVN 6663-5:2009	7.12	0.13	Không có mùi lạ	0.58	< LOQ (LOQ= 0.039)	0.54	0.29	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt
12			Nước sinh hoạt.	Tổng công ty Sonadezi – Số 1, đường số 1, KCN Biên Hòa I, phường Trảng Biên, tỉnh Đồng Nai.	27/03/2026 - 13/04/2026	TCVN 6663-5:2009	7.13	0.13	Không có mùi lạ	0.51	< LOQ (LOQ= 0.039)	0.54	0.30	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt
13			Nước sinh hoạt.	Đồng hồ D400, trạm bơm tăng áp Sonadezi Long Bình – KCN Biên Hòa 2, phường Trảng Biên, tỉnh Đồng Nai.	27/03/2026 - 13/04/2026	TCVN 6663-5:2009	7.13	0.21	Không có mùi lạ	0.58	< LOQ (LOQ= 0.039)	0.62	0.30	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt

STT	Đơn vị	Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày xét nghiệm	Phương pháp lấy mẫu	pH (6.0 - 8.5)	Độ đục (2 NTU)	Mùi	Pecmanganat (2 mg/l)	Amoni (1 mg/l)	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Màu sắc (15 TCU)	Asen (0.01 mg/l)	Coliforms tổng số (<1 MPN / 100ml)	Escherichia Coli (<1 MPN / 100ml)	Nhận xét	
14	Chi nhánh cấp nước Thiện Tân.	Trạm Thiện Tân	Nước sinh hoạt.	Trung tâm hành chính công phường Tam Hiệp – Số 147 đường Trần Quốc Toản, KP3, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai.	27/03/2026 - 13/04/2026	TCVN 6663-5:2009	7.19	0.22	Không có mùi lạ	0.51	0.049	0.32	0.37	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt
15			Nước sinh hoạt.	Nhà dân – Số 12A18, đường Trần Quốc Toản, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai.	27/03/2026 - 13/04/2026	TCVN 6663-5:2009	7.14	0.15	Không có mùi lạ	0.51	< LOQ (LOQ= 0.039)	0.56	0.22	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt
16			Nước sinh hoạt.	Đồng hồ D300, KCN Giang Điền, xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.	30/03/2026 - 13/04/2026	TCVN 6663-5:2009	7.18	0.40	Không có mùi lạ	< LOQ (LOQ=0.50)	< LOQ (LOQ= 0.039)	0.37	0.59	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt
17			Nước sinh hoạt.	Đồng hồ D300, KCN Bàu Xéo, xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.	30/03/2026 - 13/04/2026	TCVN 6663-5:2009	7.16	0.19	Không có mùi lạ	< LOQ (LOQ=0.50)	< LOQ (LOQ= 0.039)	0.37	0.74	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt
18			Nước sinh hoạt.	Nhà dân, số 161/G, đường 3/2, xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.	30/03/2026 - 13/04/2026	TCVN 6663-5:2009	7.28	0.11	Không có mùi lạ	< LOQ (LOQ=0.50)	< LOQ (LOQ= 0.039)	0.36	0.59	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt
19		Trạm Nhơn Trạch	Nước sinh hoạt.	Bể chứa trạm Nhơn Trạch.	27/03/2026 - 06/04/2026	TCVN 6663-5:2009	7.11	0.18	Không có mùi lạ	0.51	< LOQ (LOQ= 0.039)	0.77	0.44	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
20			Nước sinh hoạt.	Đầu vào KCN Amata – phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai.	27/03/2026 - 06/04/2026	TCVN 6663-5:2009	7.02	0.29	Không có mùi lạ	0.58	< LOQ (LOQ= 0.039)	0.64	0.29	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
21			Nước sinh hoạt.	Trụ cứu hoả số 1, đầu vào KCN Loteco – phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai.	27/03/2026 - 06/04/2026	TCVN 6663-5:2009	7.05	0.33	Không có mùi lạ	0.64	< LOQ (LOQ= 0.039)	0.65	0.37	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
22			Nước sinh hoạt.	Nhà dân – Số 201, QL15, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai.	27/03/2026 - 13/04/2026	TCVN 6663-5:2009	7.09	0.31	Không có mùi lạ	0.71	< LOQ (LOQ= 0.039)	0.44	0.44	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt

STT	Đơn vị	Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày xét nghiệm	Phương pháp lấy mẫu	pH (6.0 - 8.5)	Độ đục (2 NTU)	Mùi	Pecmanganat (2 mg/l)	Amoni (1 mg/l)	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Màu sắc (15 TCU)	Asen (0.01 mg/l)	Coliforms tổng số (<1 MPN / 100ml)	Escherichia Coli (<1 MPN / 100ml)	Nhận xét	
23	Chi nhánh cấp nước Biên Hòa.	Nước sinh hoạt.	Bể chứa CNCN Biên Hoà.	27/03/2026 - 06/04/2026	TCVN 6663-5:2009	7.06	0.59	Không có mùi lạ	0.84	< LOQ (LOQ=0.039)	0.65	1.78	/	0/100ml	0/100ml	Đạt	
24		Nước sinh hoạt.	Trung tâm phục vụ hành chính công phường Trần Biên – Số 63 đường Võ Thị Sáu, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai.	27/03/2026 - 06/04/2026	TCVN 6663-5:2009	7.06	0.19	Không có mùi lạ	0.71	< LOQ (LOQ=0.039)	0.55	0.81	/	0/100ml	0/100ml	Đạt	
25		Nước sinh hoạt.	Khu Du Lịch Bửu Long, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai.	27/03/2026 - 06/04/2026	TCVN 6663-5:2009	7.12	0.36	Không có mùi lạ	0.58	< LOQ (LOQ=0.039)	0.21	1.04	/	0/100ml	0/100ml	Đạt	
26		Nước sinh hoạt.	Nhà dân – Số 122 CMT8, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai.	27/03/2026 - 13/04/2026	TCVN 6663-5:2009	7.10	0.68	Không có mùi lạ	0.64	< LOQ (LOQ=0.039)	0.52	1.55	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt	
27	Chi nhánh cấp nước Xuân Lộc.	Trạm Gia Ray	Nước sinh hoạt.	Trạm Gia Ray.	27/03/2026 - 06/04/2026	-	7.43	0.82	Không có mùi lạ	1.03	0.050	0.60	4.29	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
28			Nước sinh hoạt.	KCN Xuân Lộc – xã Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.	27/03/2026 - 06/04/2026	-	7.27	0.66	Không có mùi lạ	0.84	0.056	0.40	3.33	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
29			Nước sinh hoạt.	Trường Tiểu học Kim Đồng, đường Hùng Vương, xã Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.	27/03/2026 - 06/04/2026	-	7.43	0.43	Không có mùi lạ	0.90	0.083	0.30	4.07	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
30			Nước sinh hoạt.	Cây xăng Gia Nguyễn Minh 2, QL1A, xã Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.	27/03/2026 - 13/04/2026	-	7.27	0.48	Không có mùi lạ	< LOQ (LOQ=0.50)	< LOQ (LOQ=0.039)	0.40	2.22	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt

STT	Đơn vị	Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày xét nghiệm	Phương pháp lấy mẫu	pH (6.0 - 8.5)	Độ đục (2 NTU)	Mùi	Pecmanganat (2 mg/l)	Amoni (1 mg/l)	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Màu sắc (15 TCU)	Asen (0.01 mg/l)	Coliforms tổng số (<1 MPN / 100ml)	Escherichia Coli (<1 MPN / 100ml)	Nhận xét	
31	Chi nhánh cấp nước Xuân Lộc.	Trạm Tâm Hưng Hòa.	Nước sinh hoạt.	Trạm Tâm Hưng Hòa.	27/03/2026 - 06/04/2026	-	7.17	0.22	Không có mùi lạ	1.22	0.070	0.60	1.48	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
32			Nước sinh hoạt.	Trường Tiểu học Xuân Tâm 2, ấp Xuân Tâm 4, xã Xuân Hòa, tỉnh Đồng Nai.	27/03/2026 - 06/04/2026	-	7.13	0.28	Không có mùi lạ	1.35	0.063	0.20	2.22	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
33			Nước sinh hoạt.	Đảng uỷ xã Xuân Hoà, xã Xuân Hoà, tỉnh Đồng Nai	27/03/2026 - 06/04/2026	-	7.12	0.36	Không có mùi lạ	1.16	0.055	0.40	2.07	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
34		Trạm Sông Ray.	Nước sinh hoạt.	Giếng khoan trạm Sông Ray.	27/03/2026 - 06/04/2026	-	7.51	0.59	Không có mùi lạ	< LOQ (LOQ=0.50)	0.188	0.70	2.66	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
35			Nước sinh hoạt.	Trạm y tế xã Sông Ray.	27/03/2026 - 06/04/2026	-	7.61	0.33	Không có mùi lạ	< LOQ (LOQ=0.50)	0.119	0.40	2.15	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
36		Trạm Định Quán.	Nước sinh hoạt.	Bể chứa - Trạm Định Quán	27/03/2026 - 06/04/2026	-	7.42	0.04	Không có mùi lạ	0.58	< LOQ (LOQ=0.039)	0.70	1.63	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
37			Nước sinh hoạt.	Trạm tăng áp xã Phú Vinh, tỉnh Đồng Nai.	27/03/2026 - 06/04/2026	-	7.53	0.35	Không có mùi lạ	0.51	< LOQ (LOQ=0.039)	0.65	0.52	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
38			Nước sinh hoạt.	Trường mầm non Tuổi Ngọc, xã Định Quán, tỉnh Đồng Nai.	27/03/2026 - 06/04/2026	-	7.54	0.27	Không có mùi lạ	0.71	< LOQ (LOQ=0.039)	0.65	0.37	/	0/100ml	0/100ml	Đạt

STT	Đơn vị		Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày xét nghiệm	Phương pháp lấy mẫu	pH (6.0 - 8.5)	Độ đục (2 NTU)	Mùi	Pecmanganat (2 mg/l)	Amoni (1 mg/l)	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Màu sắc (15 TCU)	Asen (0.01 mg/l)	Coliforms tổng số (<1 MPN / 100ml)	Escherichia Coli (<1 MPN / 100ml)	Nhận xét
39	Chi nhánh cấp nước Xuân Lộc.	Trạm Tân Phú.	Nước sinh hoạt.	Giếng 1 - Trạm Tân Phú.	27/03/2026 - 06/04/2026	-	6.92	0.56	Không có mùi lạ	< LOQ (LOQ=0.50)	< LOQ (LOQ=0.039)	0.45	KPH	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
40			Nước sinh hoạt.	Giếng 2 - Trạm Tân Phú.	27/03/2026 - 06/04/2026	-	6.88	0.13	Không có mùi lạ	< LOQ (LOQ=0.50)	0.041	0.65	0.30	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
41			Nước sinh hoạt.	Giếng 7 - Trạm Tân Phú.	27/03/2026 - 06/04/2026	-	6.98	0.04	Không có mùi lạ	< LOQ (LOQ=0.50)	< LOQ (LOQ=0.039)	0.60	KPH	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
42	Chi nhánh cấp nước Long Bình.	Trạm Long Bình	Nước sinh hoạt.	Bể chứa trạm Long Bình - Tổ 8, KP22, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai.	27/03/2026 - 06/04/2026	TCVN 6663-5:2009	7.09	1.11	Không có mùi lạ	0.71	< LOQ (LOQ=0.039)	0.48	1.04	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
43			Nước sinh hoạt.	Trạm tăng áp Thiện Tân 2 – Đường Điều Xiển, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai.	27/03/2026 - 06/04/2026	TCVN 6663-5:2009	7.13	0.10	Không có mùi lạ	0.64	< LOQ (LOQ=0.039)	0.69	0.37	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
44			Nước sinh hoạt.	Trụ sở UBND phường Hồ Nai (cơ sở 2), ấp Thái Hòa, phường Hồ Nai, tỉnh Đồng Nai.	27/03/2026 - 06/04/2026	TCVN 6663-5:2009	7.07	0.74	Không có mùi lạ	0.84	0.047	0.43	1.26	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
45	Trạm Vĩnh An.	Nước sinh hoạt.	Bể chứa trạm Vĩnh An.	30/03/2026 - 06/04/2026	-	7.33	0.25	Không có mùi lạ	0.58	0.068	0.60	1.48	/	0/100ml	0/100ml	Đạt	
46		Nước sinh hoạt.	Số nhà 18, đường Lê Đại Hành, ấp Vĩnh An 2, xã Trị An.	30/03/2026 - 06/04/2026	-	7.04	0.28	Không có mùi lạ	< LOQ (LOQ=0.50)	< LOQ (LOQ=0.039)	0.50	1.33	/	0/100ml	0/100ml	Đạt	

STT	Đơn vị		Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày xét nghiệm	Phương pháp lấy mẫu	pH (6.0 - 8.5)	Độ đục (2 NTU)	Mùi	Pecmanganat (2 mg/l)	Amoni (1 mg/l)	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Màu sắc (15 TCU)	Asen (0.01 mg/l)	Coliforms tổng số (<1 MPN / 100ml)	Escherichia Coli (<1 MPN / 100ml)	Nhận xét
47	Chi nhánh cấp nước Long Bình.	Trạm Vĩnh An.	Nước sinh hoạt.	Trụ sở Đảng ủy xã Trị An – Số 231A, tổ 4C, đường Nguyễn Tất Thành, ấp Vĩnh An 8, xã Trị An.	30/03/2026 - 06/04/2026	-	7.11	0.26	Không có mùi lạ	0.64	< LOQ (LOQ=0.039)	0.40	1.18	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
48			Nước sinh hoạt.	Nhà dân - Số 89/3, KP5, ấp Tân Hợp, xã Bàu Hàm.	30/03/2026 - 13/04/2026	-	7.51	0.26	Không có mùi lạ	< LOQ (LOQ=0.50)	0.096	0.40	2.22	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt
49	Chi nhánh cấp nước Thạnh Phú.		Nước sinh hoạt.	Bể chứa CNCN Thạnh Phú.	30/03/2026 - 06/04/2026	-	7.18	0.23	Không có mùi lạ	< LOQ (LOQ=0.50)	< LOQ (LOQ=0.039)	0.70	1.11	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
50			Nước sinh hoạt.	Hộ Nguyễn Xuân Nghĩa, ấp 6+7, phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai.	30/03/2026 - 06/04/2026	-	7.08	0.25	Không có mùi lạ	< LOQ (LOQ=0.50)	< LOQ (LOQ=0.039)	0.45	0.96	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
51			Nước sinh hoạt.	Trạm giao dịch Thạnh Phú – khu phố Tân Phú, phường Tân Triều.	30/03/2026 - 06/04/2026	-	7.20	0.10	Không có mùi lạ	0.51	< LOQ (LOQ=0.039)	0.35	0.74	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
52			Nước sinh hoạt.	UBND phường Tân Triều, tỉnh Đồng Nai.	30/03/2026 - 13/04/2026	-	7.17	0.38	Không có mùi lạ	< LOQ (LOQ=0.50)	< LOQ (LOQ=0.039)	0.30	0.74	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt
53	Chi nhánh cấp nước Long Thành.		Nước sinh hoạt.	Văn phòng chi nhánh cấp nước Long Thành.	30/03/2026 - 06/04/2026	-	7.38	0.15	Không có mùi lạ	0.51	< LOQ (LOQ=0.039)	0.45	0.67	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
54			Nước sinh hoạt.	Trạm Tam Phước	30/03/2026 - 13/04/2026	-	7.08	0.31	Không có mùi lạ	0.58	< LOQ (LOQ=0.039)	0.60	0.67	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt
55			Nước sinh hoạt.	Trạm bơm tăng áp Nhơn Trạch	30/03/2026 - 06/04/2026	-	7.13	0.13	Không có mùi lạ	0.58	< LOQ (LOQ=0.039)	0.60	1.04	/	0/100ml	0/100ml	Đạt

STT	Đơn vị	Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày xét nghiệm	Phương pháp lấy mẫu	pH (6.0 - 8.5)	Độ đục (2 NTU)	Mùi	Pecmanganat (2 mg/l)	Amoni (1 mg/l)	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Màu sắc (15 TCU)	Asen (0.01 mg/l)	Coliforms tổng số (<1 MPN / 100ml)	Escherichia Coli (<1 MPN / 100ml)	Nhận xét
56	Chi nhánh cấp nước Long Thành.	Nước sinh hoạt.	UBND xã Long Thành	30/03/2026 - 13/04/2026	-	7.16	0.18	Không có mùi lạ	< LOQ (LOQ=0.50)	< LOQ (LOQ=0.039)	0.50	0.74	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt

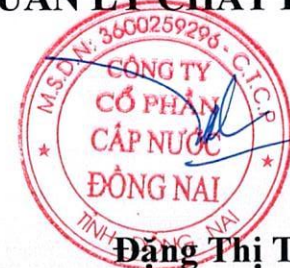
**Ghi chú:**

Dấu (-) : Do đơn vị tự lấy mẫu.

Dấu (/) : Không thực hiện.

Trần Biên, ngày 15 tháng 04 năm 2026

**TU. GIÁM ĐỐC**  
**PP. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**



**Đặng Thị Tâm**